TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ Tuấn và ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Văn K - sinh năm 1974 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện Ư, TP. Hà Nội
**** Bị đơn***: Chị Phạm Thị S- sinh năm 1976 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện Ư, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn L hôn và các buổi làm việc tại Tòa anh Nguyễn Văn K là nguyên đơn trình bày: anh và chị Phạm Thị S qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 1999. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc; khoảng 4 năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; anh cảm thấy chung sống áp lực nếu cứ kéo dài thì anh lo mình sẽ bạo lực gia đình; ngoài ra vợ chồng còn có những lý do cá nhân mà anh không muốn nêu ra tránh ảnh hưởng đến các con. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh cương quyết xin L hôn chị S. Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 01/11/2000, Nguyễn Thị N K – sinh ngày 09/02/2007 và Nguyễn N K L - sinh ngày 29/6/2017. Cháu N đã thành niên; hiện

ba cháu đang ở với chị S. Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đề nghị Toà giải quyết để chị S nuôi các con. Tiền cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ chủ động mà không đề nghị Toà giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị S trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống giữa chị và anh K như anh K trình bày. Bốn năm trở lại đây, do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn dẫn tới vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, đồng thời anh K luôn nghi ngờ ghen tuông với chị. Chị đã giải thích, phân tích cho anh nhiều nhưng anh không nghe. Chị muốn anh K suy nghĩ lại nhưng anh K cố tình đề nghị Toà giải quyết L hôn thì chị đề nghị Toà giải quyết cho anh K và chị xin phép không ký các giấy tờ gì của Toà. Về con chung có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 01/11/2000, Nguyễn Thị N K – sinh ngày 09/02/2007 và Nguyễn N K L - sinh ngày 29/6/2017. Cháu N đã thành niên; hiện ba cháu đang ở với chị S. Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên chị đề nghị Toà giải quyết cho chị nuôi con; anh K cấp dưỡng tiền nuôi con như thế nào thì tuỳ anh; chị không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: chị không đề nghị Toà giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Bị đơn chị Phạm Thị S vắng mặt, không nộp tài liệu chứng cứ nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho anh Nguyễn Văn K được L hôn chị Phạm Thị S. Về con chung: anh K và chị S có 03 con chung; cháu Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 01/11/2000 đã thành niên; sau L hôn, giao chị S là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tất cả 02 con là cháu Nguyễn Thị N K – sinh ngày 09/02/2007 và Nguyễn N K L - sinh ngày 29/6/2017; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có thay đổi khác; anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Anh K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn K có đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được L hôn chị Phạm

Thị S và nuôi con chung. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là chị Phạm Thị S có đăng ký nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 10/4/2023 nhưng vắng mặt của chị S nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai chị S vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 18/10/1999 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra muân thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng. Anh K đề nghị L hôn; chị S không có quan điểm rõ ràng là đồng ý hay không mà chỉ để nghị Toà giải quyết cho anh K. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng anh K và chị S đã xảy ra mâu thuẫn từ rất lâu; liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin với nhau. Chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã phân tích, hoà giải nhiều lần nhưng không đạt. Nay anh K có đơn L hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa anh K và chị S mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống L thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin L hôn của anh K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 01/11/2000, Nguyễn Thị N K – sinh ngày 09/02/2007 và Nguyễn N K L - sinh ngày 29/6/2017.

Xét về tính ổn định, môi trường sinh hoạt cũng như tuổi của các cháu thì Hội đồng xét xử thấy: Đối với cháu N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với cháu K và cháu L: hai cháu hiện tại đang ở với chị S; bản thân cháu K có đơn xin ở với mẹ; cháu L còn nhỏ và là con gái; anh K và chị S đều có quan điểm đề nghị Toà giải quyết cho chị S nuôi cả hai con. Đồng thời, chính quyền địa phương cũng có quan điểm đề nghị Tòa căn cứ thực tế giải quyết để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi, sự phát triển của trẻ em. Vì vậy, giao chị S nuôi cả hai cháu là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị S có ý kiến tiền cấp dưỡng nuôi con sẽ để anh K chủ động, không đề nghị Toà giải quyết nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có thay đổi khác; anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn K phải nộp án phí L hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K được L hôn chị Phạm Thị S.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N – sinh ngày 01/11/2000, Nguyễn Thị N K – sinh ngày 09/02/2007 và Nguyễn N K L - sinh ngày 29/6/2017. Cháu N đã thành niên. Sau khi L hôn, giao chị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu K và cháu L; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có thay đổi khác. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Phạm Thị S đều không yêu cầu Toà giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ án phí L hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057862 ngày 07

tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

Nguyễn Văn Thiện